

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/TT-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2009

TỜ TRÌNH
Về Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục
giai đoạn 2009 - 2014

Kính gửi: Quốc hội.

Thực hiện Kết luận số 20-KL/TW ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá X), Chính phủ đã xây dựng Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2008 - 2012. Đề án đã được báo cáo Bộ Chính trị ngày 05 tháng 3 năm 2009 và sau khi tiếp tục hoàn chỉnh đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 13 tháng 5 năm 2009. Tiếp thu chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để phù hợp với thời gian triển khai thực tế của đề án, Chính phủ xin trình Quốc hội Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2014 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. SỰ CẦN THIẾT ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và coi trọng công tác giáo dục và đào tạo. Ngay từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, phát triển giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ được xác định là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục và đào tạo là một động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Trong những năm qua, mặc dù điều kiện đất nước và ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn, Nhà nước vẫn quan tâm dành một tỷ lệ ngân sách đáng kể để đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Với nguồn ngân sách đó, lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, trong khi nền kinh tế nước ta đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hơn 20 năm, đã hình thành các cơ sở giáo dục ngoài công lập ngày một tăng thì cơ chế tài chính của giáo dục thực tế vẫn chưa có thay đổi về chất so với thời kỳ kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp.

- Việc quản lý ngân sách giáo dục thực tế rất phân tán: các địa phương quản lý 74% ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hàng năm, các Bộ, ngành khác 21%, Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý 5%. Các địa phương và các Bộ, ngành

khác không có báo cáo về tình hình và hiệu quả sử dụng ngân sách giáo dục cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo không đủ điều kiện để đánh giá hiệu quả đầu tư của nhà nước cho giáo dục trong toàn quốc.

- Mức chi đầu tư xây dựng cơ bản còn thấp so với nhu cầu rất lớn của ngành.

- Định mức phân bổ ngân sách cho giáo dục chưa gắn chặt với các tiêu chí đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giáo viên, điều kiện về cơ sở vật chất...), chưa làm rõ trách nhiệm chia sẻ chi phí đào tạo giữa nhà nước và người học ở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, về cơ bản vẫn mang nặng tính bao cấp và bình quân.

- Việc xây dựng định mức chi và phân bổ ngân sách cho giáo dục chủ yếu dựa trên kinh nghiệm.

- Việc giao kế hoạch thu chi ngân sách hàng năm chưa gắn với kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của ngành, gây khó khăn cho việc chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách và cân đối giữa nhu cầu chi với khả năng nguồn lực tài chính công.

- Chế độ học phí được thực hiện từ năm 1998 (theo Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ), đến nay vẫn chưa thay đổi. Mức học phí quá thấp, dưới khả năng chi trả của người dân ở các vùng đô thị, không phù hợp với mặt bằng giá cả cùng với chính sách cải cách tiền lương trong những năm qua. Từ năm 2000 đến năm 2008, mức giá tiêu dùng đã tăng 1,84 lần¹.

Như vậy, với mức thu học phí như hiện nay thì giá trị thực tế của học phí so với năm 2000 chỉ còn 54%. Ví dụ, mức học phí của giáo dục đại học hiện nay là 180.000 đồng/tháng, nhưng giá trị thực tế so với mặt bằng giá năm 2000 chỉ còn 98.000 đồng/tháng. Để học phí hiện nay tương đương giá trị 180.000 đồng/tháng năm 2000 thì mức thu học phí sẽ phải là 331.000 đồng/tháng.

- Qua thực tế, một số chính sách về miễn, giảm học phí và học bổng hiện nay đã thể hiện là không còn hợp lý. Các cơ sở giáo dục và đào tạo phải tự thực hiện việc miễn, giảm học phí mà lẽ ra, đây là trách nhiệm của Nhà nước về chính sách xã hội. Việc miễn học phí đối với sinh viên ngành sư phạm mà không gắn với việc sau khi ra trường có việc làm trong hệ thống giáo dục hay không là chưa hợp lý. Thiếu cơ chế hỗ trợ học sinh thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhưng không thuộc địa bàn của chương trình 135.

- Cơ chế huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục chưa đồng bộ.

¹ Chỉ số giá cả tiêu dùng năm 2001 so với năm 2000 là 1,008; năm 2002 so với 2001 là 1,04; năm 2003 so với 2002 là 1,03; năm 2004 so với 2003 là 1,095; năm 2005 so với 2004 là 1,084; năm 2006 so với 2005 là 1,066; năm 2007 so với 2006 là 1,126; năm 2008 so với 2007 là 1,199. Năm 2008 so 2000 là 1,84.

- Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính trong các cơ sở giáo dục công lập nhìn chung còn hạn chế về tác dụng. Với nguồn ngân sách cấp hàng năm còn hạn hẹp (bình quân 3,7 triệu đồng/sinh viên đại học/năm 2006) và mức thu học phí rất thấp và cố định nhiều năm (1,8 triệu đồng/sinh viên/năm) các cơ sở giáo dục không có đủ nguồn lực để bổ sung thu nhập cho giáo viên khi thực hiện chính sách tăng lương và tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Điều này đã tạo áp lực rất lớn buộc các trường phải nâng tỷ lệ sinh viên/giảng viên cao, ngược với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

Trước những bất cập kéo dài nói trên và nhu cầu tăng chất lượng và quy mô giáo dục các cấp, đặc biệt là đào tạo nghề nghiệp và giáo dục mầm non, việc đổi mới cơ chế tài chính giáo dục trong thời gian tới là một yêu cầu rất cấp thiết.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề án được soạn thảo từ tháng 9 năm 2007 dựa trên cơ sở Luật Giáo dục 2005; Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và một số văn bản khác liên quan như Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Đề án đã nhận được đóng góp ý kiến của các Bộ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, các Sở Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học, cao đẳng.

Tại phiên họp ngày 05 tháng 3 năm 2009, Bộ Chính trị đã kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020 (Thông báo số 242-TB/TW ngày 15 tháng 4 năm 2009), trong đó có các nội dung trọng tâm về đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục như sau:

“Tăng đầu tư nhà nước cho giáo dục và đào tạo, ưu tiên các chương trình mục tiêu quốc gia, khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải.

Không ngừng đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Thực hiện tốt chủ trương xây dựng ký túc xá sinh viên và nhà công vụ cho giáo viên ở vùng khó khăn nhất. Hoàn thiện và bổ sung cơ chế, chính sách đối với trường ngoài công lập.

Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa giáo dục; Nhà nước có chính sách huy động mạnh mẽ các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tích cực tham gia các hoạt động phát triển giáo dục. Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát mọi nguồn lực đầu tư của xã hội cho giáo dục.

Đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo nhằm góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô và đảm bảo công bằng trong giáo dục; thực hiện chế độ học bổng, học phí và hỗ trợ học tập theo hướng học phí ở giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư và hoàn cảnh hộ gia đình; học phí ở giáo dục nghề nghiệp và đại học thực hiện theo nguyên tắc chia sẻ chi phí đào tạo giữa Nhà nước và người học. Miễn học phí cho học sinh, sinh viên gia đình chính sách, các hộ nghèo; giảm học phí cho học sinh, sinh viên các hộ cận nghèo và hỗ trợ học sinh, sinh viên các hộ có thu nhập rất thấp. Thực hiện tốt chủ trương cho học sinh học nghề, sinh viên các gia đình có hoàn cảnh khó khăn được vay tiền ngân hàng để học”.

Bộ Chính trị đã giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoàn chỉnh Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Ngày 13 tháng 5 năm 2009, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nghe Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân thay mặt Chính phủ báo cáo về Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2008 - 2012 và đã kết luận:

- Tán thành việc Chính phủ trình Đề án Đổi mới cơ chế tài chính của giáo dục để Quốc hội xem xét và có nghị quyết về việc này.

- Đề án cần được hoàn chỉnh tiếp tục, làm rõ quan điểm xử lý các ý kiến khác nhau trong quá trình lấy ý kiến góp ý của các cơ quan và cá nhân, có thể thảo luận sâu một số phương án so sánh, làm rõ tác dụng của đề án khi được thông qua.

- Trong nhiều nội dung mới của cơ chế tài chính giáo dục, cần chọn một số nội dung thực hiện trước. Nội dung đổi mới toàn diện về học phí nên thực hiện từ năm 2010 - 2011 để có điều kiện chuẩn bị đồng bộ về ngân sách nhà nước và các quy định, hướng dẫn khác cho việc triển khai. Trước mắt, năm học 2009 - 2010 có phương án tăng học phí đào tạo có tính quá độ, để khắc phục một phần bất hợp lý hiện nay, trước khi năm học 2010 - 2011 triển khai toàn diện phương án học phí và hỗ trợ người học mới.

- Cần thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo.

Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục 2009 - 2014 trình Quốc hội lần này đã được hoàn chỉnh theo ý kiến chỉ đạo trong kết luận của Bộ Chính trị ngày 05 tháng 3 năm 2009 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2

(khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến 2020; kết luận chỉ đạo của Thường vụ Quốc hội ngày 13 tháng 5 năm 2009 và kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

III. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Hai mục tiêu tổng quát của Đề án là:

- Xây dựng cơ chế tài chính mới cho giáo dục, nhằm huy động ngày càng tăng và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của nhà nước và xã hội để nâng cao chất lượng và tăng quy mô giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực sự coi phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu.

- Xây dựng hệ thống các chính sách để tiến tới mọi người ai cũng được học hành với nền giáo dục có chất lượng ngày càng cao.

Cơ chế tài chính giáo dục được hiểu gồm 8 nội dung sau đây:

- Xác định nhu cầu tài chính cho các mục tiêu phát triển giáo dục. Xác định các nguồn lực từ ngân sách và xã hội và các giải pháp huy động và sử dụng tài chính khả thi và hiệu quả, từ đó bảo đảm cân đối nhu cầu và nguồn lực tài chính bền vững cho phát triển hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương trong việc lập và thực hiện kế hoạch ngân sách giáo dục;

- Quy định về nguyên tắc xác định mức học phí mầm non, phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Quy định về thẩm quyền quyết định mức học phí và xác định mức học phí của các cơ quan trung ương, địa phương và các cơ sở giáo dục;

- Xây dựng các chính sách của Nhà nước hỗ trợ việc học tập của nhân dân: quy định đối tượng không phải đóng học phí, miễn giảm học phí, đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập; đối tượng được hưởng học bổng chính sách và trợ cấp xã hội; đối tượng được vay vốn ưu đãi để đi học. Quy định cơ chế thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập;

- Xây dựng cơ chế và chính sách khuyến khích xã hội đầu tư cho giáo dục;

- Quy định về lương và các chính sách khuyến khích đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

- Quy định các nghĩa vụ và quyền hạn về tài chính của các cơ sở giáo dục;

- Quy định về trách nhiệm và quyền giám sát, kiểm tra của các Bộ và cơ quan quản lý nhà nước đối với việc sử dụng ngân sách giáo dục.

Để thực hiện hai mục tiêu tổng quát nói trên Đề án cần đạt được 3 yêu cầu cụ thể sau đây:

- Làm rõ hiện trạng, ưu điểm, hạn chế của cơ chế tài chính giáo dục nước ta.
- Thu thập để tham khảo các chỉ số phát triển và tài chính giáo dục của các nước phát triển và các nước mới phát triển làm một cơ sở quan trọng khi quyết định chính sách tài chính giáo dục nước ta.
- Căn cứ yêu cầu phát triển giáo dục phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ nay đến năm 2020, đề án xác định các nội dung cần thiết đổi mới cơ chế tài chính giáo dục tới năm 2014.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

1. Bố cục của Đề án

Đề án bao gồm 6 phần như sau: Phần I. Khái quát về hiện trạng hệ thống giáo dục Việt Nam. Phần II. Một số chỉ số phát triển và tài chính giáo dục ở một số nước trên thế giới. Phần III. Đánh giá cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2001 - 2008. Phần IV. Mục tiêu phát triển và nhu cầu đầu tư cho giáo dục giai đoạn 2009 - 2020. Phần V. Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2014. Phần VI. Tổ chức thực hiện.

2. Một số nội dung cơ bản của Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2014

Đề án đã xác định 8 nội dung đổi mới cơ chế tài chính giáo dục như sau:

a) Đổi mới phương thức xây dựng và giao kế hoạch ngân sách, cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước cho các mục tiêu của giáo dục:

- Đổi mới phương thức xây dựng và giao kế hoạch ngân sách cho ngành giáo dục theo hướng lập kế hoạch ngân sách trung hạn (3 năm);

- Nhà nước cam kết dành đầu tư thoả đáng và ngày càng tăng cho giáo dục. Nhà nước là người chi lớn nhất, chủ yếu cho giáo dục phổ thông và mầm non. Tiếp tục thực hiện phổ cập tiểu học miễn phí, thực hiện việc phổ cập trung học cơ sở có sự đóng góp theo khả năng của người học và đến năm 2015 đạt ít nhất 95% số trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo với chất lượng được nâng cao hơn hiện nay;

- Ngân sách nhà nước đầu tư cho các cơ sở giáo dục công lập đảm bảo đạt mức chất lượng cần thiết tối thiểu. Ở những trường mầm non và phổ thông công lập cung cấp dịch vụ giáo dục cao hơn mức chất lượng cần thiết tối thiểu, ngoài phần chi của nhà nước, phần còn lại sẽ thu từ người học;

- Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho giáo dục của các địa phương vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông chuyên;

- Tăng đáng kể tỷ trọng ngân sách dành cho phát triển dạy nghề;

- Thành lập một số cơ sở đào tạo chất lượng cao, một số trường trọng điểm từ dạy nghề đến đại học, bằng nguồn ngân sách nhà nước và vay ODA để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

b) Xác định trách nhiệm và quyền hạn hợp lý của các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương trong việc lập và thực hiện kế hoạch ngân sách giáo dục.

c) Xây dựng cơ chế thích hợp để huy động các nguồn lực cho giáo dục:

- Nhà nước khuyến khích sự đóng góp của xã hội cho giáo dục theo khả năng của hộ gia đình, của các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp; khuyến khích thành lập và phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ các cơ sở giáo dục ngoài công lập đào tạo giảng viên có trình độ cao; thực hiện các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; cấp bù học phí (với mức học phí của các trường công lập trong vùng) cho con em các đối tượng chính sách học ở các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập.

d) Đổi mới chính sách học phí và hỗ trợ người học:

- Sửa đổi chế độ học phí của các trường công lập theo hướng:

+ Đối với giáo dục mầm non và phổ thông: học phí không là gánh nặng tài chính với gia đình học sinh. Khi học phí và các chi phí học tập hợp lý khác của hộ gia đình cho con em đi học không vượt quá 6% thu nhập bình quân của hộ gia đình, thì mức học phí đó luôn nằm trong khả năng chi trả của hộ gia đình. Mức học phí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và thu nhập của hộ gia đình trên địa bàn; phần chi phí còn lại cho giáo dục ở các trường công lập (chiếm hơn 90% chi phí giáo dục), ngoài sự đóng góp của người dân bằng học phí, do nhà nước đảm nhận, nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục tối thiểu cần thiết.

+ Mức học phí đối với đào tạo công lập (dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học) thể hiện sự chia sẻ thực sự chi phí đào tạo giữa nhà nước và người học, dù chi lương và từng bước đảm bảo chi thường xuyên của các nhóm ngành đào tạo, phần còn lại của chi thường xuyên và toàn bộ chi đầu tư do nhà nước đảm nhận.

Các cơ sở giáo dục cung cấp chương trình đào tạo chất lượng cao, được thu học phí cao hơn để bù đắp chi phí đào tạo cao hơn.

- Thực hiện miễn học phí đối với học sinh tiểu học. Miễn học phí cho học sinh thuộc diện chính sách, thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chuẩn quốc gia. Giảm học phí cho các đối tượng cận nghèo và gia đình chính sách, ngành nghề cần khuyến khích. Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập (chi ngoài nhà trường) cho học sinh phổ thông diện chính sách và học sinh thuộc gia đình có thu nhập rất thấp;

- Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng cho học sinh học nghề và sinh viên thuộc diện gia đình nghèo, cận nghèo và có hoàn cảnh khó khăn vay tiền để học tập. Khi học phí đào tạo tăng thêm theo quy định của Chính phủ thì mức cho vay để học sẽ được tăng thêm tương ứng;

- Thay đổi chính sách miễn học phí đối với sinh viên ngành sư phạm hiện nay bằng chính sách cho sinh viên vay để học, khi ra trường nếu phục vụ trong hệ thống giáo dục quốc dân ít nhất 2 lần thời gian đào tạo (6 năm đối với cao đẳng sư phạm, 8 năm đối với đại học sư phạm) thì nhà nước sẽ xoá phần nợ (cả gốc và lãi) để chi trả học phí;

- Nhà nước thực hiện cấp trực tiếp tiền cho các đối tượng được miễn, giảm học phí khi học mầm non, phổ thông, học nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học để thực hiện đồng học phí cho các cơ sở giáo dục;

- Nhà nước có chính sách khuyến khích người học giỏi bằng học bổng khuyến khích học tập ở tất cả các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trong nước hoặc cử đi nước ngoài học tập;

- Nhà nước đầu tư toàn bộ để xây dựng các ký túc xá cho sinh viên, người ở chỉ trả tiền ở đủ để vận hành và duy tu các ký túc xá;

- Khuyến khích thành lập các quỹ trợ giúp người nghèo đi học và khuyến khích học giỏi ở các địa phương của các doanh nghiệp, các đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội bằng nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước.

đ) Chính sách đối với giáo viên:

- Thông qua chi từ ngân sách và thu học phí ở các trường công lập, Nhà nước đảm bảo thu nhập của giáo viên công lập ổn định đời sống và ngày càng được cải thiện;

- Tiếp tục chính sách khuyến khích giáo viên dạy học ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc;

- Chuẩn hoá trình độ nhà giáo các cấp và xây dựng chế độ thang bảng lương hợp lý cho các cấp học và trình độ đào tạo. Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nhà giáo được điều động lên làm cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp được bảo lưu chế độ phụ cấp đúng lớp trong vòng 3 năm.

- Các trường học công lập thực hiện tự chủ tài chính và biên chế theo quy định của Chính phủ.

e) Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong quản lý tài chính:

- Bảo đảm sự tương quan giữa chất lượng đào tạo và nguồn tài chính được sử dụng (ngân sách, học phí và tài trợ của xã hội), đầu tư có hiệu quả để nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài;

- Công bố mục tiêu và cam kết chất lượng đào tạo, kết quả đánh giá chất lượng đào tạo thực tế, công bố nguồn lực đào tạo của cơ sở (đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế...) theo quy định của Nhà nước;

- Công khai chi tiêu trong nhà trường hàng năm, thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước, chấp hành các chế độ, quy định về tài chính, kế toán, thực hiện kiểm toán theo quy định của Nhà nước;

- Gửi báo cáo hoạt động nhà trường, trong đó có phần tài chính, về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo quy định của Nhà nước.

g) Giám sát tài chính giáo dục:

- Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quản lý tài chính giáo dục, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các Bộ, ngành ở Trung ương, của các cơ quan địa phương trong việc phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo về tài chính của giáo dục;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các quy định quản lý tài chính giáo dục trong các cơ sở giáo dục, quy định báo cáo về tài chính của các cơ sở giáo dục làm cơ sở cho việc quản lý minh bạch và công khai tài chính của toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân;

- Nhà nước thực hiện việc kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm sử dụng kinh phí giáo dục đúng mục đích, có hiệu quả;

- Đại diện cha mẹ học sinh ở các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, đại diện học sinh, sinh viên và đại diện giáo viên, giảng viên ở các cơ sở đào tạo có quyền và trách nhiệm giám sát việc sử dụng kinh phí của cơ sở giáo dục theo quy chế hoạt động của trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Xác định học phí và hỗ trợ của nhà nước và địa phương:

Mức học phí được phân biệt giữa chương trình đào tạo đại trà (chương trình đạt mức chất lượng cần thiết tối thiểu) và chương trình đào tạo chất lượng cao.

Nguyên tắc xác định học phí:

- Học phí của các trường mầm non và phổ thông công lập đại trà:

Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (trung học cơ sở, trung học phổ thông) học phí không là gánh nặng tài chính đối với gia đình người học, mà luôn là khả thi. Điều này được bảo đảm khi học phí và các khoản chi cần thiết khác cho việc học tập không vượt quá 6% thu nhập bình quân của hộ gia đình. Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp từ bậc sơ cấp đến bậc trung cấp, cao đẳng và đại học thực hiện theo nguyên tắc chia sẻ chi phí giữa nhà nước và người học, học phí phải đảm bảo bù đắp chi phí tiền lương, từng bước đảm bảo chi thường xuyên tối thiểu của các nhóm ngành đào tạo. Đây là yêu cầu của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khoá X), về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Theo nguyên tắc trên, học phí bình quân của các tỉnh cho giáo dục mầm non và phổ thông công lập ở các tỉnh trong cả nước đã được trình bày ở Đề án. Với các hộ dân có thu nhập rất thấp, nếu 6% thu nhập chưa bảo đảm chi đủ cho các nhu cầu như dụng cụ học tập, sách giáo khoa, quần áo đồng phục, đi lại tối thiểu... thì được Nhà nước hỗ trợ thêm, ngoài việc miễn học phí.

Theo nguyên tắc học phí phù hợp với khả năng chi trả, trong một tỉnh có các vùng có mức thu nhập khác nhau có thể có mức học phí khác nhau. Biểu 1 sau đây là ví dụ mức học phí cho các hộ dân có thu nhập khác nhau ở một tỉnh có 3 vùng:

Đô thị (thu nhập bình quân 800.000 đồng/người/tháng), huyện đồng bằng (thu nhập bình quân 650.000 đồng/người/tháng), huyện miền núi (thu nhập bình quân 400.000 đồng/người/tháng). Thu nhập bình quân toàn tỉnh là 700.000 đồng/người/tháng tương đương thu nhập ở một tỉnh đồng bằng năm 2008.

Biểu 1. Ví dụ các mức học phí ở các vùng của tỉnh

Đơn vị: Đồng/tháng

Thu nhập người/tháng	Dưới 400.000	Từ 400.000 đến dưới 508.000	Từ 508.000 đến dưới 650.000	Từ 650.000 đến dưới 800.000	Từ 800.000 trở lên
Vùng đô thị (Thu nhập bình quân 800.000đ)			Miễn học phí (rất ít)	Học phí được giảm: 17.000đ (ít)	Học phí 35.000đ (đa số)
Vùng huyện đồng bằng (thu nhập bình quân 650.000đ)		Hỗ trợ học tập 13.000 (rất ít)	Miễn học phí (ít)	Học phí được giảm: 17.000 (đa số) *	
Vùng huyện miền núi (thu nhập bình quân 400.000đ)	Hỗ trợ học tập 50.000 (rất ít)	Hỗ trợ học tập 13.000 (đa số) *	Miễn học phí (ít)		

Đối với vùng đô thị của địa phương nói trên, thu nhập bình quân là 800.000 đồng/người/tháng. Tức là đa số người dân có thu nhập từ mức này trở lên và ứng với nó là mức học phí 35.000 đồng/tháng. Về nguyên tắc người có thu nhập hơn 800.000 đồng/tháng sẽ phải đóng học phí cao hơn 35.000 đồng/tháng. Ví dụ thu nhập 850.000 đồng/tháng thì phải đóng học phí là 41.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, vì số người có thu nhập cao trên trung bình không nhiều, và để đơn giản cho việc thu học phí, thì những người có thu nhập cao hơn mức trung bình 800.000 đồng/tháng cũng chỉ đóng học phí như người có mức thu nhập 800.000 đồng/tháng. Tức là người đi học được lợi hơn, còn Nhà nước thì thu được ít hơn là khả năng các hộ có thể đóng góp cho việc học tập của con em trong khả năng chi trả bình thường (6% thu nhập) của họ.

Tương tự như vậy, những hộ gia đình có thu nhập dưới mức trung bình 800.000 đồng/tháng tới 650.000 đồng/tháng đều chỉ đóng một mức học phí là 17.000 đồng/tháng, tương ứng với thu nhập 650.000 đồng/tháng. Còn thu nhập dưới 650.000 đồng/tháng thì không phải đóng học phí.

Đối với huyện miền núi có thu nhập bình quân 400.000 đồng/tháng thì thực tế sẽ miễn học phí cho tất cả học sinh, ngoài ra đa số còn được hỗ trợ 13.000 đồng/tháng để giúp gia đình mua sách, vở, đồ dùng học tập cho các em (ngoài 6% thu nhập các gia đình đã dành cho việc này).

Theo Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 1998 về khung học phí thi từ năm 1998, đối với các đô thị, học phí trung học phổ thông đã tới 35.000 đồng/tháng, vùng nông thôn tới 25.000 đồng/tháng và vùng miền núi là 15.000 đồng/tháng. Đối chiếu với quy định này thì học phí mới tính theo khả năng chi trả 6% thu nhập, là tương đương với vùng đô thị (35.000 đồng/tháng), thấp hơn với vùng đồng bằng (17.000 đồng/tháng so với 25.000 đồng/tháng) và thêm hỗ trợ (13.000 đồng/tháng) của nhà nước cho các gia đình rất nghèo chứ không phải đóng học phí (15.000 đồng/tháng).

Nếu tính thu nhập bình quân của Hà Nội năm 2008 là 1.440.000 đồng/người/tháng thì mức học phí sẽ là 112.000 đồng/tháng. Mức này bằng 3,2 lần mức học phí tối đa 35.000 đồng/tháng dành cho đô thị năm 1998 theo Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên hoàn toàn là khả thi với thu nhập bình quân của người dân thủ đô, và chi phí cho học tập vẫn không vượt quá 6% thu nhập của gia đình.

Tóm lại đối với giáo dục mầm non và phổ thông học phí mới theo nguyên tắc phù hợp với khả năng chi trả của hộ dân sẽ làm cho học phí không là gánh nặng tài chính với hộ gia đình, đồng thời đã giảm đáng kể tính bình quân, bao cấp của việc đóng học phí, khắc phục tình trạng nhà nước bao cấp, hỗ trợ cho các hộ gia đình có thu nhập cao cũng giống như cho các hộ có thu nhập thấp trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục cho học sinh. Các hộ có thu nhập thấp được hỗ trợ thiết thực để con em đi học.

- Học phí của các trường phổ thông chuyên và các trường dân tộc nội trú:

Các trường phổ thông chuyên là cơ sở giáo dục để đào tạo nhân tài của các địa phương. Các trường được đầu tư cao từ ngân sách và vận động xã hội tài trợ để các em có điều kiện học tập, rèn luyện đặc biệt tốt. Mức học phí ở các trường phổ thông chuyên thực hiện theo quy định chung của địa phương, không cao hơn các trường phổ thông đại trà khác trên địa bàn.

Các trường dân tộc nội trú được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ hoàn toàn chi phí hoạt động, người học không phải đóng học phí.

- Học phí của các cơ sở đào tạo công lập: các trường nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học công lập được xác định mức thu học phí theo nhóm ngành nghề đào tạo trong khung học phí quy định của Chính phủ.

Khung học phí đại học và khung học phí của trung cấp nghề, cao đẳng nghề của các nhóm ngành đào tạo giai đoạn 2010 - 2014 như sau:

**Khung học phí đại học của các nhóm ngành đào tạo
đại trà giai đoạn 2009 - 2014**

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/sinh viên

Nhóm ngành	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật	180	255	290	350	410	480	550
2. Kỹ thuật, công nghệ	180	255	310	390	480	560	650
3. Khoa học tự nhiên	180	255	310	390	480	560	650
4. Nông - lâm - thủy sản	180	255	290	350	410	480	550
5. Y dược	180	255	340	450	560	680	800
6. Thể dục thể thao, nghệ thuật	180	255	310	390	480	560	650
7. Sư phạm			280	330	380	440	500

**Khung học phí của trung cấp nghề và cao đẳng nghề
của các nhóm nghề đào tạo đại trà giai đoạn 2010 - 2014**

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/học sinh

Nhóm ngành	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Khối thăm dò địa chất, thủy văn, khí tượng	120	170	270	370	470	580	700
2. Khối hàng hải	120	170	260	340	420	500	610
3. Khối y tế, dược	120	170	250	330	410	490	580
4. Khối cơ khí luyện kim, kỹ thuật nhiệt và điện, kỹ thuật xây dựng	120	170	240	320	400	480	560
5. Khối công nghệ lương thực và thực phẩm	120	170	230	310	380	460	540
6. Khối kỹ thuật bảo quản và vật tư hàng hoá	120	170	230	300	380	460	530
7. Khối văn hoá, thể thao - du lịch	120	170	230	300	380	460	520
8. Khối kỹ thuật điện tử, bưu chính viễn thông	120	170	230	300	370	430	500

www.ThuVienPhapLuat.vn
Tel: +84-8-39303229
Lawsoft

Mức học phí đào tạo tăng hàng năm theo dự kiến trên là nhằm:

+ Bảo đảm chi trả lương tăng lên theo kế hoạch của Chính phủ để tiền lương thực sự là phần thu nhập đủ sống chủ yếu của công chức và viên chức trong cơ sở công lập;

+ Tăng cường từng bước cơ sở vật chất cho giáo dục để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Không tạo ra sự tăng đột ngột, mức độ lớn của việc đóng học phí, gây khó khăn cho người học.

Riêng năm học 2009 - 2010, trong khi chưa thực hiện việc thay đổi cách đóng học phí theo đề án từ năm 2010 - 2014, học phí đào tạo sẽ tăng bằng 50% mức mất giá đồng tiền năm 2008 so với năm 2000. Theo đó học phí đại học tăng từ 180.000 đồng/tháng lên 255.000 đồng/tháng, học phí học nghề tăng từ 120.000 đồng/tháng lên 170.000 đồng/tháng.

+ Học phí đào tạo hệ vừa làm vừa học: mức học phí đảm bảo bù đắp chi phí thường xuyên tối thiểu và không vượt quá 150% mức học phí chính quy cùng cấp học và các nhóm ngành nghề đào tạo.

- Học phí của các cơ sở giáo dục ngoài công lập và của nhà đầu tư nước ngoài:

Các cơ sở giáo dục ngoài công lập và của nhà đầu tư nước ngoài được tự quyết định mức thu học phí, nhưng phải thực hiện 3 công khai: chất lượng đào tạo, nguồn lực đào tạo (giáo viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học...) và tài chính, đóng thuế theo quy định của Nhà nước.

Công bố và sử dụng học phí:

Hàng năm, cơ sở đào tạo công lập căn cứ vào khung học phí do nhà nước quy định, tự xác định mức học phí của mỗi ngành học cho từng năm học của cả khóa học và thông báo công khai cho người học biết trước khi thông báo tuyển sinh năm học mới. Cơ sở đào tạo công lập quy định việc sử dụng học phí trong quy chế chi tiêu nội bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tiền thu học phí của các cơ sở công lập phải gửi Kho bạc Nhà nước để giám sát chi tiêu.

- Đối với chương trình chất lượng cao tại các cơ sở công lập: phần chi phí tăng thêm ngoài phần chi của Nhà nước để có chất lượng cao hơn sẽ do người học chi trả.

- Các cơ sở giáo dục ngoài công lập được quyền chủ động xây dựng mức học phí, thông báo công khai mức học phí cho từng năm học (khối mầm non và phổ thông) hoặc cả khóa học (khối đào tạo nghề nghiệp) đồng thời thực hiện 3 công khai để nhà nước, người học, gia đình người học và xã hội tham gia giám sát, đánh giá.

V. CÁC Ý KIẾN KHÁC NHAU TRONG QUÁ TRÌNH GÓP Ý ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

1. Về công bằng xã hội trong việc đóng học phí đối với giáo dục phổ thông và mầm non.

Đối với giáo dục mầm non và phổ thông thực tế trong các năm qua, phần chi của Nhà nước giữ vai trò quyết định. Tại các trường công lập, phần đóng góp của người dân qua học phí và chi phí khác chỉ chiếm 7,9% tổng chi phí đào tạo, phần nhà nước chi chiếm 92,1%. Nếu kể cả chi của người dân cho giáo dục ở các trường ngoài công lập, thì tổng chi của người dân chiếm 21,8% tổng chi cho giáo dục ở các trường công lập và ngoài công lập, phần nhà nước chi chiếm 78,2%. Với mức chi nhà nước cho giáo dục là có hạn bằng 20% ngân sách, đã thuộc vào loại cao của thế giới, thì việc đóng góp của người dân cho giáo dục từ mầm non tới phổ thông sẽ góp phần tăng chất lượng và quy mô giáo dục.

Tuy nhiên, việc đóng góp cũng phải làm sao cho khả thi, nằm trong khả năng chi trả của gia đình, không thành gánh nặng cho gia đình. Qua nghiên cứu số liệu học phí và thu nhập của hộ gia đình các nước, Đề án đã cho thấy, tỉ lệ chi cho việc đi học so với thu nhập của hộ gia đình ở các nước tuy khác nhau, song đều nằm trong khoảng từ 2% đến 10%, bình quân từ 4,5% đến 5,7%. Vì vậy, Đề án đề xuất mức chi trả cho việc học so với thu nhập của hộ gia đình không quá 6% thì việc chi trả đó được coi là khả thi, không gây gánh nặng tài chính cho gia đình.

Nếu lấy mức học phí mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông mà Chính phủ quy định từ năm 1998 và chi phí khác cho học tập là khoảng 30.000 đồng/tháng/học sinh (để mua sách vở, đồ dùng học tập, đi lại) thì chi phí cho việc học so với thu nhập của hộ gia đình chiếm từ 4,8% đến 12%, bình quân khoảng 9%.

Như vậy, việc xác định giới hạn chi phí cho học tập không vượt quá 6% thu nhập của hộ gia đình trong Đề án vừa phù hợp với mức bình quân của các nước, vừa dễ dàng chi trả hơn là các mức học phí tối đa được quy định năm 1998 so sánh với thu nhập hộ dân lúc bấy giờ.

Quan điểm của Đề án về công bằng xã hội trong trách nhiệm gia đình đóng góp vào chi phí giáo dục cho con em mình là: gia đình có thu nhập thấp thì đóng góp ít hơn là gia đình có thu nhập cao, nhưng trong mọi trường hợp, chi phí học tập đều không vượt quá 6% thu nhập và đều không là gánh nặng tài chính cho gia đình. Có quan điểm khác được đề cập về công bằng xã hội khi bàn về học phí là: mọi người dân thu nhập thấp hay cao, đều chỉ đóng học phí như nhau, còn phần rất lớn chi phí học tập cho một học sinh là do nhà nước chịu. Nhà nước phải bao cấp giáo dục cho người thu nhập thấp và thu

nhập cao như nhau. Đề án không theo quan điểm này, mà cho rằng, để có nhiều trẻ đi học được và nâng cao chất lượng giáo dục không nên chỉ trông chờ vào bao cấp của Nhà nước, mà các hộ dân cần đóng góp (tiền học phí) theo khả năng của mình. Người thu nhập cao đóng nhiều hơn, người thu nhập thấp không đóng học phí, thậm chí được nhà nước cấp tiền hàng tháng để đưa con em đi học.

2. Vì sao không miễn hết học phí cho giáo dục trung học cơ sở, trong khi tiểu học lại được miễn phí?

Năm 2008, cả nước có 6,27 triệu học sinh trung học cơ sở, tổng học phí thu được 2.046 tỉ đồng. Chi phí đào tạo ở trung học cơ sở (chỉ thường xuyên) khoảng 2,4 triệu đồng/năm/học sinh. Như vậy nếu miễn hết học phí cho học sinh trung học cơ sở thì sẽ hụt chi giáo dục trung học cơ sở khoảng 2.046 tỉ đồng, tương ứng với chi phí đào tạo cho 852.000 học sinh trung học cơ sở. Tức là nếu miễn hết học phí trung học cơ sở trong điều kiện ngân sách giáo dục không tăng tương ứng được thì quy mô giáo dục trung học cơ sở sẽ giảm 852.000 học sinh.

Để giữ vững quy mô và nâng cao từng bước chất lượng giáo dục trung học cơ sở, chúng tôi đề xuất không miễn phí toàn bộ học phí cho bậc trung học cơ sở, mà đóng học phí theo khả năng chi trả của hộ dân, miễn giảm học phí cho hộ chính sách, hộ nghèo.

3. Vì sao không miễn học phí cho bậc học mầm non, trong khi trẻ lại được khám chữa bệnh miễn phí?

Năm 2008, có 3,39 triệu học sinh mầm non. Chi phí giáo dục bình quân cho 1 học sinh mầm non là 2,56 triệu đồng/năm. Như vậy, nếu miễn học phí bậc mầm non thì cả các em đang ở nhà không đi học sẽ đi học. Số học sinh mầm non mới sẽ là 6 triệu em. Đề đưa số em này đến trường, Nhà nước phải chi là 15.360 tỉ đồng/năm. Trong điều kiện ngân sách giáo dục không tăng, thì nếu nhà nước chi 15.360 tỉ đồng để phổ cập miễn phí mầm non, thì sẽ không còn ngân sách cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề công lập (năm 2006 ngân sách nhà nước cấp cho các trường này là 9.986 tỉ đồng) và vẫn thiếu 5.374 tỉ đồng nữa. Sẽ phải cắt bớt ngân sách chi cho trung học phổ thông. Ngân sách chi cho trung học phổ thông năm 2006 là 5.663 tỉ đồng. Tức là nếu cắt giảm 5.374 tỉ đồng của trung học phổ thông thì gần 95% học sinh trung học phổ thông ở các trường công lập phải nghỉ học.

Như vậy, nếu dùng kinh phí Nhà nước để phổ cập mầm non miễn phí thì tất cả các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề công lập và hơn 90% các trường trung học phổ thông công lập phải ngừng hoạt động. Rõ ràng phương án này trong điều kiện hiện nay sẽ gây thiệt hại cho đất nước.

4. Tỷ lệ học phí trên chi phí đào tạo thường xuyên dự kiến giai đoạn 2009 - 2014 khoảng từ 30% đến 50% là quá cao?

Theo kết luận số 20-KL/TW ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu (khóa X), thì “Nguồn thu học phí đối với cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, đào tạo cao học, nghiên cứu sinh có thể bù đắp chi phí đào tạo thường xuyên, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư”. Như vậy dự kiến đến năm 2014 học phí đảm bảo khoảng 50% chi phí thường xuyên là còn rất thấp so với yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X).

5. Đây là đề án tài chính giáo dục có tính nhân văn cao hay là đề án tăng học phí, không phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa?

Trong điều kiện mức ngân sách dành cho giáo dục là 20% tổng ngân sách quốc gia hàng năm, đã vào loại cao so với các nước, khó có thể tăng thêm, nhưng do thu nhập đầu người của ta còn rất thấp so với các nước, nên chi phí toàn xã hội bình quân cho 1 người đi học chỉ bằng khoảng 1/4 của Thái Lan và Malaysia, 1/8 của Hàn Quốc, 1/11 của Nhật và Pháp, 1/16 của Mỹ, thì yêu cầu vừa tăng quy mô giáo dục và đào tạo ở các cấp học, vừa tăng chất lượng giáo dục và đào tạo là một mâu thuẫn căn bản, thường xuyên. Khi tổng nguồn lực của xã hội cho giáo dục và đào tạo là có hạn, thì càng tăng quy mô, chất lượng sẽ có xu hướng tất yếu là giảm, hoặc đặt yêu cầu chất lượng giáo dục phải càng cao, thì quy mô giáo dục phải giảm.

Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục 2009 - 2014 chính là nỗ lực sáng tạo của Chính phủ để từng bước giải quyết mâu thuẫn nói trên.

Giải pháp căn bản của Chính phủ cho mâu thuẫn trên là: sử dụng kinh phí cho giáo dục và đào tạo có hiệu quả ngày càng cao hơn và tăng nguồn lực quốc gia cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và từ đóng góp của người dân, nhưng sự đóng góp của người dân phù hợp với khả năng thu nhập của họ, không là gánh nặng về tài chính.

Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục gồm 8 nội dung thì 7 nội dung là nhằm làm cho việc sử dụng ngân sách và đóng góp của người dân cho giáo dục có hiệu quả ngày càng cao. 7 loại giải pháp này cần triển khai ngay mà không phụ thuộc vào mức học phí là bao nhiêu.

Việc chọn yêu cầu tổng chi cho giáo dục phổ thông và mầm non của hộ gia đình không vượt quá 6% thu nhập của họ, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm các nước và thực tế của Việt Nam từ 1998, kèm theo nó là yêu cầu có tính nguyên tắc là phải hỗ trợ thêm cho các gia đình có thu nhập rất thấp để

con em họ có thể đến trường là giải pháp vừa có tính nhân văn rất cao, vì học phí không bao giờ là gánh nặng tài chính cho gia đình, vừa góp phần huy động sự đóng góp của xã hội nhiều hơn cho giáo dục.

Khi Nhà nước đã đảm bảo gần 80% chi phí cho giáo dục phổ thông và mầm non của xã hội, thì việc người dân đóng góp vào việc học hành của con em mình là hoàn toàn cần thiết, vì điều này góp phần tăng quy mô và chất lượng giáo dục. Nếu đòi hỏi người có thu nhập cao cũng chỉ đóng góp như người có thu nhập thấp cho việc học hành của con em mình, còn lại là nhà nước phải lo, thì đây là cách làm nặng bao cấp, không bình đẳng, dẫn đến hiệu quả là quy mô và chất lượng giáo dục bị giảm.

Đối với giáo dục nghề nghiệp, học phí để đào tạo một kỹ sư, cử nhân toàn khoá chỉ khoảng 7,2 đến 9 triệu đồng/năm (tương đương 430 đến 530 USD), trong khi thu nhập của 5 năm đầu tiên ra trường bình quân không dưới 48 triệu đồng, thì mức học phí đó vừa quá thấp để có thể góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo, vừa quá thấp so với thu nhập của người tốt nghiệp. Học phí 4 - 5 năm để trở thành 1 cử nhân, kỹ sư chỉ bằng hoặc thấp hơn thu nhập của 1 năm đầu tiên đi làm sau tốt nghiệp.

Để khắc phục chi phí đào tạo quá thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo, Đề án đã đề xuất việc tăng học phí đào tạo theo lộ trình và kèm theo đó là chương trình của Chính phủ cho học sinh học nghề, sinh viên hộ nghèo, cận nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn được vay để trả học phí và hỗ trợ chi trả các chi phí khác của việc học tập. Cả nước hiện nay có 1,7 triệu sinh viên đại học, cao đẳng, thì đã có 800.000 sinh viên được vay để học, tương đương tỉ lệ 47%, trong khi tỉ lệ hộ nghèo cả nước không quá 15%. Chúng ta đang thực hiện một yêu cầu hết sức nhân văn: không một sinh viên nào bỏ đại học, cao đẳng, trung cấp, đào tạo nghề mà phải bỏ học vì không có điều kiện đóng học phí. Vì vậy, cần khẳng định, cách xác định học phí phổ thông, mầm non và đào tạo nghề nghiệp và các giải pháp hỗ trợ học tập của Đề án thể hiện tính nhân văn cao, là biểu hiện của định hướng chủ nghĩa xã hội.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỦA QUỐC HỘI

Chính phủ xin ý kiến Quốc hội về các nội dung cơ bản của Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2014 trong đó trọng tâm là 2 mục tiêu tổng quát và 8 nội dung đổi mới cơ chế tài chính và lộ trình thực hiện các nội dung này như đã trình bày trên đây. Sau khi được chấp thuận của Quốc hội, Chính phủ sẽ ban hành Nghị định về cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trên đây là nội dung cơ bản của Đề án Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2014, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: GD&ĐT, TC, KH&ĐT, LĐT&XH, NV, TP;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: KITH, ĐP, TH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3).M ~~1000~~

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân